

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG TIỀN MƯƠNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán từ nhiệm chi số 111/ ngày 19 tháng 01 năm 2026)
Tài khoản dự toán ☐ Tài khoản tiền gửi: ☐

Chức danh: Chủ tài khoản
Đơn vị: Trường mầm non Thanh Nua
Nơi dùng: Phê duyệt bỏ sơ giao

Mẫu số : 09
Mã hiệu:
Số:

- Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường MN Thanh Nua
- Mã đơn vị: 1096014
- Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại: Ngân hàng Agribank chi nhánh Mường Thanh Điện Biên Số tài khoản: 8903201007844
- Nội dung đề nghị thanh toán: Thanh toán tiền hỗ trợ ăn trưa theo ND 66/2025 từ tháng 01 đến 5 và tháng 9- 12 năm 2025

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú Tên Học Sinh
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoản	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			27.360.000				-	27.360.000			
I.	Đối với công chức, viên chức											
II.	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP											
III	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ theo đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP											
IV	Thanh toán khác cho các nhân			27.360.000				-	27.360.000			
1	Cà Văn Loa	8900205275267	Ngân hàng Agribank	1.800.000					1.800.000			Bố: Cà Mạnh Cường : Lớp NT Nà Lôm (T01-5-25)
2	Lô Văn Dân	107881320848	Ngân hàng Vietinbank	1.800.000					1.800.000			Bố Lô Duy Hưng : Lớp NT Nà Lôm (T01-5-25)
3	Lô Thị Chân	8903205183446	Ngân hàng Agribank	1.800.000					1.800.000			Mẹ Lương Đại Việt : Lớp NT Nà Lôm (T01-5-25)
4	Lô Văn Hùng	8903205183207	Ngân hàng Agribank	1.800.000					1.800.000			Bố Lô Bình An : Lớp NT Nà Lôm (T01-5-25)
5	Lương Thị Hằng	8912205047369	Ngân hàng Agribank	1.800.000					1.800.000			Mẹ Lô Văn Trang : Lớp NT Nà Lôm (T01-5-25)
6	Lô Thị Tiết	8912205158042	Ngân hàng Agribank	3.240.000					3.240.000			Mẹ: Lô Duy Thịnh: Lớp NT trung tâm (1-5,9-12 -25)
7	Lương Ngọc Ánh	8916205141806	Ngân hàng Agribank	3.240.000					3.240.000			Mẹ : Lô Bảo Trâm : Lớp NT trung tâm(1-5,9-12 -25)
8	Vì Văn Thắng	8900205273080	Ngân hàng Agribank	3.240.000					3.240.000			Bố: Vì Minh Khởi : Lớp NT Nà Lôm(1-5,9-12 -25)
9	Lương Thị Thư	8900205273074	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Mẹ: Lô Anh Hiệp Lớp NT Nà Lôm (T9-12-25)
10	Cà Thị Diện	8900205273521	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Mẹ :Lương Diệu Huyền Lớp NT Nà Lôm (T9-12-25)
11	Lô Văn Chung	8900205273130	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Bố: Lô Thị Diệu Linh Lớp NT Nà Lôm (T9-12-25)

12	Cà Thị Ngân	2502205437656	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Me: Cà Quang Huy Lớp NT Nà Lôm (T9-12-25)
13	Lò Thị Linh	8900205274915	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Me: Lò Xuân Trường Lớp NT Nà Lôm (T9-12-25)
14	Lường Thị Thuý	8903205187193	Ngân hàng Agribank	1.440.000					1.440.000			Me: Lường An Nhiên : Lớp NT Hả Thanh (T9-12-25)

Tổng số tiền bằng chữ: Hai mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

- Tổng số biên chế công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền giao
Số biên chế công chức, viên chức tăng (giảm) trong tháng
- Tổng số hợp đồng lao động được cấp có thẩm quyền giao
Số hợp đồng lao động tăng (giảm) trong tháng 0 hợp đồng
- Số tiền đã chuyển lương và phụ cấp lương (trừ PC làm thêm giờ) tháng trước :
- Số tiền chuyển lương và phụ cấp lương (trừ phụ cấp làm thêm giờ) tháng này
 - Số tiền tăng
 - Số tiền giảm
 - Số tiền tăng so với tháng trước: -
- Tổng số tiền chuyển 27.360.000

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vương Thị Tuyền

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)



Vương Thị Tuyền
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 19 tháng 04 năm 2026

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Lê Thị Tuyết Hương

Giao dịch viên



Ngày 19 tháng 04 năm 2026

Giám đốc KBNN khu vực X

